

HƯ TỪ “VỚI” XÉT TRÊN BÌNH DIỆN NGỮ PHÁP

Nguyễn Thị Thanh Huyền
Trường Cao đẳng Sư phạm Thái Bình

TÓM TẮT

“Với” là hư từ rất quen thuộc và thường xuyên được người Việt sử dụng. Để giúp bạn đọc có cái nhìn toàn diện về hư từ này, bài báo đã đi vào phân tích, làm sáng tỏ các phương diện về ý nghĩa ngữ pháp và hoạt động ngữ pháp trong từng trường hợp sử dụng cụ thể. Qua thống kê, phân loại kết hợp với phương pháp đối chiếu, miêu tả, có thể nhận thấy đây là hư từ có khả năng đảm nhận vai trò của nhiều từ loại: phụ từ, trợ từ và kết từ. Ở mỗi một từ loại, “với” lại có cách thể hiện ý nghĩa và hoạt động ngữ pháp khác nhau. Khi là kết từ, “với” đảm nhiệm rất nhiều ý nghĩa ngữ pháp và có khả năng kết hợp đa dạng với các đơn vị ngôn ngữ khác. Trong vai trò là phụ từ, nó thường đi sau động từ nói năng để biểu thị hướng của hành động. Khi là trợ từ, “với” chủ yếu đứng ở cuối câu để biểu thị ý nghĩa tình thái cho câu tiếng Việt. Việc xem xét bình diện ngữ pháp của hư từ “với” một lần nữa khẳng định vị trí quan trọng của nó đồng thời giúp bạn đọc dễ dàng tiếp cận bình diện ngữ nghĩa và ngữ dụng của hư từ này theo hướng nghiên cứu của ngữ pháp chức năng.

Từ khóa: “Với”; hư từ; bình diện ngữ pháp; ý nghĩa ngữ pháp; hoạt động ngữ pháp.

Ngày nhận bài: 19/4/2020; Ngày hoàn thiện: 13/5/2020; Ngày đăng: 28/5/2020

EXPLETIVE WORD “WITH” IN GRAMMAR

Nguyen Thi Thanh Huyen
Thai Binh College of Education

ABSTRACT

“With” is a familiar expletive and frequently used by Vietnamese people. The article analyzed and clarified the grammatical meanings and grammatical activities of “With” in each specific case. By statistics, classification combined with collation, description, it can be seen that expletive “With” plays the role of many types of words: adjunction, particle and conjunction. In each category of words, “with” has different ways of expressing meanings and grammatical activities. As a conjunction, “with” undertakes a lot of grammatical meanings and has ability to combine with other language units in a diverse way. Being an adjunction, “with” often follows verbs to indicate the direction of the action. Playing the role as a particle, “with” usually comes at the end of sentences to indicate the meaning of Vietnamese sentences. The research once again affirms the important role of “with” as well as helps readers to approach and analyze the aspect of semantics and use of this expletive in the direction of the study of functional grammar in an easier way.

Keywords: “With”; meaning; grammar activity; location; ability to combine.

Received: 19/4/2020; Revised: 13/5/2020; Published: 28/5/2020

1. Đặt vấn đề

Như chúng ta đã biết, ở loại hình ngôn ngữ đơn lập - phân tích tính, bên cạnh hệ thống thực từ phong phú là hệ thống hư từ có vai trò quan trọng. Chúng tuy số lượng ít, không mang ý nghĩa định danh nhưng lại “được sử dụng với tần số cao và xuất hiện đều đặn trong mọi phong cách ngôn ngữ” [1]. Đây là lớp từ mà ý nghĩa được xác định thông qua chức năng mà nó đảm nhận.

Bằng thủ pháp thống kê phân loại kết hợp với các phương pháp so sánh đối chiếu, phân tích miêu tả, chúng tôi đã chỉ ra một cách cụ thể các trường hợp diễn hình về ý nghĩa ngữ pháp, vị trí, khả năng kết hợp, chức năng ngữ pháp của “với” trong phạm vi nghiên cứu của bài báo. Sau đó, dựa vào các kết quả thu được, chúng tôi đi vào phân tích các đặc điểm về bình diện ngữ pháp của hư từ này. Có thể thấy, trong tiếng Việt, **với** là hư từ mang bản chất đa từ loại (phụ từ, trợ từ, quan hệ từ). Trong các công trình nghiên cứu trước đây, hầu hết các tác giả mới chỉ đề cập đến nghĩa biểu hiện của hư từ này một cách sơ lược, chung chung. Xem xét hư từ **với** trên bình diện ngữ pháp, bài viết muốn đi sâu nghiên cứu về ý nghĩa ngữ pháp, hoạt động ngữ pháp của **với** trong vai trò của từng từ loại cụ thể. Từ đó giúp bạn đọc có cái nhìn toàn diện, đầy đủ nhất về sự thể hiện từ loại của hư từ này nói chung và trong mối tương quan với các hư từ khác của tiếng Việt nói riêng.

2. Kết quả

Trên những tài liệu được tiến hành khảo sát và phân tích, chúng tôi xác định, **với** mang đặc điểm của ba từ loại là phụ từ, trợ từ và quan hệ từ. Sau đây chúng tôi xin trình bày hư từ **với** trong vai trò của từng từ loại cụ thể ở bình diện ngữ pháp.

2.1. Về ý nghĩa ngữ pháp

2.1.1. Hư từ **với** trong vai trò là kết từ

Kết từ **với** là một hư từ quen thuộc và được sử dụng với tần số cao. Hoàng Phê trong [2] đã xác định kết từ **với** có bảy nghĩa sau:

- Từ biểu thị quan hệ liên hợp giữa hai sự vật, hiện tượng có chức năng giống nhau hoặc có quan hệ qua lại khó tách rời. Ví dụ: “*Hắn mặc quần nái đen với cái áo tây vàng. Cái ngực phanh, đầy những nét chạm trổ rồng, phượng với một ông tướng cầm chùy, cả hai cánh tay cũng thế* [3].”

- Từ biểu thị người sắp nêu ra là đối tượng cùng có chung hành động, trạng thái vừa nói đến. Ví dụ: “*Hai bà thì thầm với nhau mãi* [4].”

- Từ biểu thị người, sự vật, sự việc sắp nêu ra là đối tượng nhằm tới của hoạt động hay của mối quan hệ được nói đến. Ví dụ: “*Thúc hần thì hần chửi, cấm vườn hần thì hần chém, sinh chuyện với hần thì chính lí trưởng làng có lỗi bởi cố ý ẩn lậu hần là một tên can phạm* [3].”

- Từ biểu thị điều sắp nêu ra là điều kiện hay mức độ của hoạt động được nói đến. Ví dụ: “*Với cái búi tóc ngất ngưỡng trên đầu, với cái sức học chữ nho bằng rươi chữ quốc ngữ, ông ấy gọi là thầy đồ thì đúng hơn* [5].”

- Từ biểu thị người hay sự vật sắp nêu ra là đối tượng có quan hệ trực tiếp đến điều nói đến. Ví dụ: “*Nhưng với lý Kiến, thì không những com rượu tiền túi, còn phải cho ngồi xe chung và còn ở lại tỉnh nữa* [3].”

- Từ biểu thị người hoặc sự vật sắp nêu ra là nguyên nhân trực tiếp của trạng thái không hay vừa nói đến. Ví dụ: “*Bà uất ức, uất ức với ai không biết* [3].”

- Từ biểu thị điều sắp nêu ra là đặc điểm của sự vật vừa nói đến. Ví dụ: “*Mười thằng ra đi thì chín thằng trở về với cái vẻ hung đồ, cái tính ương ngạnh học được từ phương xa* [3].”

Khi là kết từ, sự đa dạng về ý nghĩa ngữ pháp của **với** cũng đã lí giải vì sao nó có số lượng và tần số xuất hiện dày đặc hơn với khi đóng vai trò của từ loại khác.

2.1.2. Hư từ **với** trong vai trò là phụ từ

Về ý nghĩa ngữ pháp khái quát, khi là phụ từ, **với** “biểu thị hướng của hành động, hoạt động nhằm tới một đối tượng ở một khoảng cách hơi quá tầm [2]” hay “Đi sau động từ nói

năng, biểu thị cách thức cho hành động không gian gián cách [6]”. Ví dụ: “*Thị vừa lắc đầu, vừa chạy lút cụt để tỏ ý nhất định không nhượng bộ một tí nào nữa, hắt gọi với theo... [3]*” hay *Tôi giận dữ gạt hắt ra, quay đi. Ngạc chế với: “Ê, ê, nhón thế kia mà còn đeo bùa túi kìa [4]*”... Rõ ràng, ở trong các ví dụ trên đây, ta thấy phụ từ *với* đi sau các động từ (chủ yếu là động từ nói năng) để biểu thị hướng của hành động nhằm tới đối tượng đã ở khoảng cách khá xa so với chủ thể. Lúc này, *với* không thể làm thành tố chính trong tổ hợp nào đó mà chỉ là thành tố phụ, bổ sung ý nghĩa cho động từ chính làm vị ngữ trong câu. Đây là một động từ không độc lập nên nó luôn đi kèm với động từ và nhiều khi cần có bổ ngữ làm thành tố phụ sau. Thành tố phụ sau chính là đối tượng mà hành động đang hướng tới.

Ở bình diện ngữ pháp, hư từ *với* trong vai trò là phụ từ có khả năng hạn chế về các mặt hơn so với các từ loại khác (kết từ, trợ từ). Tuy ít gặp trong các tác phẩm văn học nhưng đây cũng không phải là một phụ từ quá xa lạ đối với người Việt.

2.1.3. Hư từ *với* trong vai trò là trợ từ

Khi là trợ từ, trong [2], Hoàng Phê đã liệt kê *với* mang những ý nghĩa sau:

- Từ “biểu thị ý yêu cầu tha thiết một việc gì đó [2]”. Ví dụ: *Cứu tôi với!* hay *Mở cho em cánh cửa này với!*. Lúc này, *với* đứng ở cuối câu biểu thị một yêu cầu nào đó của chủ thể. Có thể là muốn người đối thoại thực hiện một điều gì đó cho mình hoặc cho người có quan hệ thân thiết với mình hoặc thể hiện yêu cầu khẩn thiết muốn người đối thoại giúp mình thoát khỏi tình huống khó khăn nào đó. Lúc này, trợ từ *với* chỉ xuất hiện sau đại từ, đôi khi là động từ. Sau trợ từ *với*, có một số trường hợp xuất hiện thêm tình thái từ *nhé, nhá* để nhấn mạnh mối quan hệ thân thiết giữa người nói và người nghe.

- Từ “biểu thị ý nhấn mạnh, chê trách, không hài lòng [2]”. Ví dụ: “*Cái đồ com toi ấy thì ai lấy mà chồng với con [4]* hoặc “*Chỉ sáo với*

địch cả ngày, chả được cái công trạng gì [4]”... Đôi khi, nó thể hiện ý chán chường, mệt mỏi. Ví dụ: “*Ôi chào, sớm với muộn thì có ăn thua gì [4]*”. Ở trường hợp khác, trợ từ *với* còn giúp nhấn mạnh một nội dung nào đó với một thái độ không hài lòng. Ví dụ: “*Chơi với bời! Cái lúc nó mới đến, trông như con giun chết, cạy gì mũi chưa sạch thì không thấy chơi với bời! [3]*”... Trong tất cả các trường hợp trên, *với* trong mỗi câu đều gọi ra thái độ bức tức, trách móc hoặc giận dữ, không hài lòng của chủ thể phát ngôn. Tuy nhiên, có thể nhận thấy, nếu đứng giữa từ song tiết thì *với* có thể xuất hiện một mình hoặc đi kèm từ *chả* hoặc *chẳng* (sớm với chả/chẳng muộn) nhưng khi xen giữa tổ hợp thì *với* bao giờ cũng đi kèm với “*chả/chẳng*”. Khi đó, ta thấy ý nghĩa tình thái phần nào được tăng lên và ngữ âm có phần thuận hơn so với bình thường. Trong những trường hợp sử dụng như trên đây, trợ từ *với* có vai trò trong việc tạo lập nên những đơn vị ngôn ngữ lớn hơn. Và khi đó, kết hợp của trợ từ này với những từ loại khác cũng đa dạng hơn.

Có thể thấy, nếu trong câu không có sự xuất hiện của trợ từ *với* thì cũng không ảnh hưởng đến cấu trúc ngữ pháp của câu. Sự có mặt của nó chủ yếu chỉ nhằm bổ sung ý nghĩa tình thái cho câu chứ không có vai trò trong việc liên kết các câu, các đoạn, các phần như khi đảm nhiệm vai trò từ loại khác.

Với sự đa dạng về ý nghĩa ngữ pháp như đã nêu ở trên, ta cũng bước đầu thấy được sự phong phú, linh hoạt ở hoạt động ngữ pháp của hư từ *với* trong vai trò kết từ. Cũng giống như phần lớn các kết từ khác, nó cũng có vai trò quan trọng trong việc cấu tạo nên những đơn vị ngôn ngữ lớn hơn.

2.2. Về vị trí và khả năng kết hợp

2.2.1. *Với* trong vai trò là kết từ

Với có khả năng liên kết các yếu tố khác để tạo nên cụm từ. Lúc này, nó có thể kết hợp danh từ, động từ, tính từ, đại từ... với nhau để tạo nên cụm từ đẳng lập. Khi đó các yếu tố trong cụm từ có thể thay đổi vị trí cho nhau.

Ví dụ: “Ừ, thế mày có nhớ cho tao cái khoản bốn nghìn cái bao gai **với** hai nghìn tấn gạo sắp mốc đấy không? [5] (cụm DT + với + cụm DT); Vui **với** buồn đều làm con người ta trưởng thành hơn. (tính từ + với + tính từ); “Tôi **với** cô chỉ bằng tuổi nhau thôi [3] (đại từ + với + đại từ).

Khi đóng vai trò là yếu tố liên kết để tạo nên cụm từ đẳng lập, kết từ **với** được dùng như vai trò của kết từ và trong những trường hợp tương tự.

Không chỉ có vai trò liên kết các yếu tố trong cụm từ đẳng lập với nhau, kết từ **với** còn có khả năng liên kết các yếu tố trong cụm từ chính phụ. Trong cụm danh từ, kết từ **với** kết hợp định ngữ với danh từ trung tâm. Ví dụ: “*Chỗ hàng xóm láng giềng **với** nhau, mày làm thế, có khác gì đeo mo vào mặt nhau [3].*” Đôi khi, **với** đặt trước danh từ (cụm danh từ) hoặc đại từ để biểu thị sự liên quan, liên đới. Lúc này, nó cũng góp phần tạo nên cụm từ chính phụ. Ví dụ: “***Với** nàng, cái thời duyên thắm và chờ mong đã hết rồi [4]*”... Chúng tôi nhận thấy **với** xuất hiện với tần số cao trong cụm từ chính phụ để nối kết các yếu tố trong cụm động từ với nhau. Nó nối bổ ngữ với động từ trung tâm. Ví dụ: “*Họ **ngắm ngằm ghen **với** hấn [3]***”. Trong những trường hợp này, **với** sẽ biểu thị mối quan hệ giữa động từ với đối tượng mà chủ thể hành động hướng đến. Trong những trường hợp như vậy, **với** thường đứng sau động từ và đứng trước bổ ngữ. Nếu đảo trật tự, cụm từ chính phụ sẽ không tồn tại.

Tóm lại, khi là kết từ, **với** có vai trò quan trọng trong việc nối kết các yếu tố trong cụm từ với nhau (đặc biệt trong cụm từ chính phụ).

Không chỉ có vai trò quan trọng trong việc liên kết các yếu tố trong cụm từ, kết từ **với** còn có khả năng liên kết các câu với nhau để tạo cho văn bản tính thống nhất. Ví dụ: “*Ừ thì đong năm hào. **Với** bảo con mẹ Xuyên bán chịu cho tao chai rượu nữa [3]*”. Trong trường hợp này, kết từ **với** thường đứng ở đầu câu đi sau để làm nhiệm vụ dẫn nhập cho nội

dung tiếp theo của câu đó.

Kết từ **với** cũng có thể đứng ở vị trí đầu của các đoạn văn để liên kết đoạn văn này với đoạn văn khác trong văn bản. Ví dụ:

Một là: nâng cao chất lượng của cơ sở hạ tầng...

Hai là: nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ...

Ba là: ...

***Với** những phương hướng như trên, chúng tôi tin rằng...*

Ta thấy, tùy vào từng đối tượng mà **với** đi kèm mà chức vụ cú pháp của quan hệ từ này thay đổi theo. Qua những phân tích trên đây, ta thấy **với** xuất hiện ở những vị trí hết sức đa dạng và linh hoạt. Hầu hết các trường hợp xuất hiện, khi liên kết hai danh từ (cụm danh từ), hai đại từ, hai số từ với nhau thì **với** sẽ nằm trong thành phần chủ ngữ còn khi nằm trong cụm động từ, cụm tính từ thì **với** nằm trong thành phần vị ngữ của câu. Ngoài ra, ta còn bắt gặp nó nằm trong thành phần trạng ngữ, phụ chú, đề ngữ... Điều đó chứng tỏ **với** là một quan hệ từ có tần suất sử dụng cao và là quan hệ từ quen thuộc của người Việt.

2.2.2. **Với** trong vai trò là trợ từ

Khi là trợ từ, **với** có thể đứng ở những vị trí và có vai trò như sau:

Thứ nhất, khi tham gia câu **với** vai trò biểu thị yêu cầu tha thiết về một việc gì đó của chủ thể thì có thể **với** đứng cuối câu, nó sẽ xuất hiện sau đại từ hoặc động từ. Trong trường hợp nó không đứng cuối câu, đằng sau **với** sẽ có sự xuất hiện của một số tình thái từ như *nhỉ, nhé, nhá...* Khi hoạt động trong phạm vi câu, trợ từ **với** thường nằm trong thành phần vị ngữ của câu. Ví dụ: “*Thôi, sắp làm rể bà Cả đi là vừa. Cho chúng tao ăn cỗ cưới **với** nhé [3]!*”.

Thứ hai, trong một số trường hợp, trợ từ **với** hoạt động trong phạm vi từ (dùng xen giữa hai thành tố tách rời của một từ song tiết như danh từ, động từ, tính từ... hoặc một tổ hợp từ) để biểu thị ý nhấn mạnh thái độ chê bai, trách

móc, không hài lòng của người nói với người nghe hoặc đối với sự vật, sự việc đang được nói tới. Lúc này, nó nằm ở các vị trí khác nhau trong câu: chủ ngữ, vị ngữ, đề ngữ... Ví dụ: “Tôi đây!... Phải ai đâu mà lạy **với** lực [5]?”

2.2.3. **Với** trong vai trò là phụ từ

Khi là phụ từ, **với** chỉ hoạt động trong phạm vi cụm từ và cụm từ này thường làm vị ngữ trong câu. Có thể dễ dàng nhận thấy rằng, phụ từ **với** chỉ đi sau động từ (phần lớn là động từ nói năng). Trong một số trường hợp, đằng sau của nó có thể là phụ từ chỉ thời gian (*cho...*) hoặc kết từ chỉ không gian (*qua, theo...*) để tạo thành một cụm động từ qua đó biểu thị hướng của hành động và cũng cho biết khoảng cách giữa chủ thể với đối tượng của hành động là khá xa nhau. Ví dụ: “*Mô chẳng nói gì. Nó đến nửa thang gác rồi. Oanh lại gọi **với**...*”[3].

Khi nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy **với** không chỉ đứng riêng lẻ để biểu thị quan hệ khác nhau trong những ngữ cảnh cụ thể mà đôi khi, ta còn bắt gặp nó kết hợp, đứng liền với các từ có những nét nghĩa tương đồng (*và, cùng...*) để tạo nên sự nối kết cho các đối tượng trong câu. Có trường hợp, tuy đứng cạnh nhau nhưng *và, với, cùng* lại không đảm nhận vai trò giống nhau mà mỗi hư từ mang một ý nghĩa, một nhiệm vụ riêng. Ví dụ: “*Trình vẫn thân mật với Ngạn **và với** nhiều người khác* [3].” Ở đây, tuy hư từ *và, với* đứng cạnh nhau nhưng *và* lại có chức năng nối kết hai vế câu với nhau trong khi đó *với* lại biểu hiện đối tượng sắp nêu ra là tiếp thể của hành động thân mật của Trình. Về thứ hai khuyết động từ nhưng do sự xuất hiện của kết từ *và* nên sự khuyết thiếu của động từ trong trường hợp này hoàn toàn chấp nhận được.

Nhưng cũng có những trường hợp, chúng kết hợp lại để tạo thành một tổ hợp từ cùng biểu hiện một ý nghĩa nào đó. Ví dụ: “*Ông chủ, bà chủ đã **cùng với** mấy bà tân thời và mấy ông du học sinh lên một chiếc xe hơi đi lên hiệu sách ăn cơm* [5]”. Lúc này, kết hợp *cùng với* được dùng với ý nghĩa tương tự như *cùng*. Trong các ngữ liệu được khảo sát, rất hay bắt

gặp kết hợp *cùng với* để biểu thị quan hệ liên hợp giữa các đối tượng.

Ngoài ra, kết hợp *cùng với* được dùng tương tự như kết từ *với* để biểu thị đối tượng có chung hành động, trạng thái vừa nói đến. Ví dụ: “*Tâm hồn chàng có liên lạc và rung động **cùng với** cảnh vật, chàng có cái cảm giác rằng mình sống* [5].”

Trong thực tế sử dụng ngôn ngữ, thỉnh thoảng chúng ta vẫn thấy xuất hiện trường hợp *và, với, cùng* đứng cạnh nhau để liên kết các sự việc trong câu và nhấn mạnh nội dung mà người nói sắp đề cập đến. Ví dụ: “*Đứa trẻ ra đời đem đến cho ba mẹ rất nhiều sự bận bịu **và cùng với** đó là vô vàn niềm hạnh phúc không thể gọi tên*.”

Trong [7], chúng tôi đã tiến hành khảo sát sự xuất hiện của hư từ **với** trong một số tác phẩm văn học. Kết quả thu được: trong 1516 lần sử dụng, có 1460 lần (chiếm 96,3%) **với** xuất hiện với tư cách là kết từ, 52 lần xuất hiện với tư cách là trợ từ (chiếm 3,4%), còn lại 4 lần sử dụng trong vai trò là phụ từ (chiếm 0,3%). Qua số liệu khảo sát trên đây, có thể nhận thấy, hư từ **với** xuất hiện trong các tác phẩm với tần số khá cao. Trong tổng số 1516 lần xuất hiện của hư từ **với** thì phần lớn là sự có mặt của nó trong vai trò là kết từ.

Chính sự đa dạng trong vai trò ngữ pháp của hư từ **với** đã tạo nên những cách sử dụng vô cùng phong phú của **với** nói riêng và của tiếng Việt nói chung.

3. Kết luận

Ở bình diện ngữ pháp, hư từ **với** được hiện thực hóa vai trò của ba từ loại là phụ từ, trợ từ và kết từ. Ở mỗi một từ loại, **với** lại có cách thể hiện ý nghĩa và hoạt động ngữ pháp khác nhau. Đây là “function words with a multi-word nature” (hư từ mang bản chất đa từ loại) [8], có khả năng đảm nhận nhiều ý nghĩa ngữ pháp và có thể kết hợp đa dạng với các thành phần khác trong câu. Điều đó giải thích tại sao **với** là hư từ quen thuộc và có tần số sử dụng cao trong tiếng Việt. Việc chỉ ra bình diện ngữ pháp của **với** cũng sẽ giúp bạn đọc có thể tiếp cận, phân tích bình diện ngữ nghĩa

và ngữ dụng của hư từ này theo hướng nghiên cứu của ngữ pháp chức năng một cách dễ dàng hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1]. M. T. Bui, "Vietnamese function words: Miniature picture in The short story Old Hạc of Nam Cao," *Language Magazine*, vol. 1, no. 10, pp. 3-13, 2015.
- [2]. P. Hoang (Ed), *Vietnamese Dictionary*. Danang Publishing House, Dictionaries Center, Ha Noi - Da Nang, 2015.
- [3]. N. Cao, *Nam Cao Collection*, episode 1. Literature Publishing House, Ha Noi, 1997.
- [4]. T. Lam, *Thach Lam Collection*. Literature Publishing House, Ha Noi, 2012.
- [5]. T. T. Ngo, *Ngo Tat To's complete work*. Literature Publishing House, Ha Noi, 1996.
- [6]. T. P. Hoang, *How to use Vietnamese functional words*. Nghe An Publishing House, 2003.
- [7]. T. T. H. Nguyen, "The function words và, với, cùng function words on the three fields of study, meaning, and learning," M.S thesis, Hanoi Pedagogical University, 2016.
- [8]. T. L. A. Le, and T. T. H. Nguyen, "The semantic significance of function word from functional grammar perspective," *Journal of Language and Life*, vol. 267, no. 13, pp. 32-37, 2017.